

Họ và tên:

Chương 4

PHẢN ỨNG HÓA HỌC

Bài 18. PHÂN LOẠI PHẢN ỨNG TRONG HÓA HỌC VÔ CƠ

Phân loại các phản ứng hoá học sau : **Hoá hợp** ; **Phân hủy** ; **Thế** ; **Trao đổi**

Loại phản ứng	Phương trình hoá học	Có / không thay đổi số oxi hoá
$(A + B \rightarrow AB)$	$2\text{Cu} + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{CuO}$	Có / Không
	$\text{Na}_2\text{O} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{NaOH}$	Có / Không
$(AB \rightarrow A + B)$	$\text{CaCO}_3 \rightarrow \text{CaO} + \text{H}_2\text{O}$	Có / Không
	$2\text{KClO}_3 \rightarrow 2\text{KCl} + 3\text{O}_2$	Có / Không
$(AB + C \rightarrow AC + B)$	$\text{Zn} + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{ZnSO}_4 + \text{Cu}$	Có / Không
	$\text{Fe} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2$	Có / Không
$(AB + CD \rightarrow AC + BC)$	$\text{BaCl}_2 + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{BaSO}_4 + 2\text{HCl}$	Có / Không
	$\text{NaOH} + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + \text{Cu(OH)}_2$	Có / Không

NHẬN XÉT

Trong phản ứng hóa hợp và phản ứng phân hủy, số oxi hóa của các nguyên tố

Trong hóa học vô cơ, phản ứng thế số oxi hóa

Trong phản ứng trao đổi, số oxi hóa của các nguyên tố